TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34 /2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28/8/2026
V/v "Ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Cạn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Văn Thiết và bà Long Thị Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Hà – Thư ký Viên -Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Lục Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 41/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29a/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2026 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 24/2026/QĐST- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Q, sinh năm 1976. Số CCCD: 006176002201; Ngày cấp: 09/5/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về TTXH – Bộ Công an. Địa chỉ cư trú: Thôn 1 (Thôn Nà L cũ), xã Y, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Sỹ H, sinh năm 1969. Số CCCD: 006069005083; Ngày cấp: 18/5/2023; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về TTXH – Bộ Công an.

Địa chỉ cư trú cuối cùng: Thôn 1 (thôn Nà L cũ), xã Y, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn xin ly hôn, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Hoàng Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, tìm hiểu tình cảm được một thời gian, chị Q và anh H quyết định đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai

ép buộc, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục truyền thống tại địa phương vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Nay là xã Y, tỉnh Thái Nguyên) vào ngày 11/5/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau ở thôn Nà L, xã Y, tỉnh Thái Nguyên (Nay là thôn 1, xã Y, tỉnh Thái Nguyên). Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nhiều điểm bất hoà, không cùng quan điểm sống, thi thoảng xảy ra bạo lực gia đình, gây tổn thương tinh thần, ảnh hưởng đến sức khoẻ do anh H chửi, đuổi đánh, doạ giết chị Q. Chị Q đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không nghe, vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 4 năm 2025 đến nay. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Q đề nghị Toà án nhân dân khu vực 7 – Thái Nguyên giải quyết cho chị Q được ly hôn anh H theo quy định của pháp luật.

Về con chung chị Q trình bày: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung chị Q trình bày: Không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung chị Q trình bày: Không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Bản tự khai, biên bản ghi lời khai bị đơn anh Nguyễn Sỹ H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H xác nhận như chị Q trình bày về thời điểm tìm hiểu tình cảm, ăn hỏi, tổ chức lễ cưới, nơi đăng ký kết hôn, thời gian sinh sống là đúng. Còn chị Q trình bày về nội dung phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng là không chính xác. Nên anh H không nhất trí ly hôn chị Q vì anh H thấy vẫn còn tình cảm với chị Q, vẫn sống tốt với chị Q và sống tốt với bên gia đình chị Q, chị Q tự đi làm công ty, mọi việc trong gia đình anh H vẫn lo được hết. Anh H cho rằng vợ chồng kết hôn năm 2020 vẫn sống hạnh phúc, bình thường tại Tổ A thị trấn B. Đến năm 2021 vì thương hoàn cảnh gia đình chị Q, nên anh H vào Đại sảo ở được bố mẹ chị Q cho đất. Anh H bỏ tiền ra san và xây một cái nhà cấp 4 rộng 100m2, nhà cửa đồ đạc và cuộc sống hằng ngày anh H lo hết, chị Q ở nhà không có công ăn việc làm, nên bản thân anh H phải lo hết. Nhiều lúc vì cuộc sống công việc một mình anh H lo nên nhiều lúc bực tức, có chửi chị Q mấy câu, chị Q bảo anh H doạ giết và đuổi ra khỏi nhà là không đúng. Chị Q đi công ty làm gần hai năm nay, anh H không bắt chị Q phải đi làm vì cuộc sống gia đình anh H lo được. Bản thân anh H trước có nghiện ma tuý nhưng từ khi lấy chị Q anh H đã bỏ được cho đến nay không dùng ma tuý nữa. Chị Q nói nhiều câu không đúng sự thật, vợ chồng lấy nhau mấy năm nhưng không có con chung, anh H kính mong Toà án nhân dân khu vực 7 – Thái Nguyên hoà giải cho vợ chồng về đoàn tụ với nhau. Ngoài ra anh H cho rằng, vợ chồng không phải sống ly thân do chị Q tự đi làm công ty từ tháng 3/2025.

Về con chung. Anh H xác nhận, vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung anh H trình bày: Về tài sản chung của vợ chồng, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung anh H trình bày: Vợ chồng, không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngày 05/5/2026 Toà án tiến hành xác minh với Trưởng thôn, Thôn Nà L (nay là Thôn 1), xã Y – Thái Nguyên. Qua xác minh xác nhận được giữa chị Q và anh H có hộ khẩu thường trú tại thôn Nà L (nay là thôn1), xã Y, tỉnh Thái Nguyên, chị Q và anh H có đăng ký kết hôn hợp pháp, quá trình chung sống, giữa vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn, xích mích, sau đó chị Q bỏ đi làm công ty, thỉnh thoảng mới về nhà, giữa chị Q và anh H không có con chung; tài sản chung, nợ chung của chị Q và anh H thôn không nắm được. Mặc dù chị Q và anh H có xích mích, mâu thuẫn song chưa lần nào nhờ thôn phải lập biên bản giải quyết.

Ngày 19/6/2026 Toà án tiến hành xác minh với bà Nông Thị T (mẹ đẻ của chị Q). Qua xác minh được bà T cung cấp thông tin, giữa chị Q và anh H có đăng ký kết hôn hợp pháp, được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục truyền thống địa phương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống ở thị trấn B, huyện C (cũ), sau đó chuyển về sinh sống tại thôn Nà L (nay là Thôn 1) xã Y, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng chị Q, anh H có làm căn nhà cấp 4 cạnh nhà bà T. Thời gian chung sống tại đây, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xích mích, chửi bới sau đó thì Q bỏ đi làm công ty ở đâu, địa chỉ cụ thể bà T không nắm được. Chị Q có gọi điện về cho bà T nói là không dám về giải quyết ly hôn vì sợ anh H chửi bới, doạ giết. Giữa chị Q và anh H không có con chung. Tài sản chung, nợ chung bà T không nắm được. Ngoài ra bà T xác nhận bản thân bà T nhận được giấy triệu tập, thông báo của Toà án do Bưu điện chuyển đến. Sau khi nhận được bà T đều gọi điện thông báo cho chị Q biết về nội dung văn bản và chị Q đều nắm được, tuy nhiên Q bảo không về được vì sợ anh H chửi bới, doạ giết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thái Nguyên đã tiến hành gửi, giao, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh H, chị Q theo quy định Điều 175, 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đến ngày 03/7/2026 Toà án tiến hành lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời chị Q có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải theo khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nên Toà án tiến hành lập biên bản không tiến hành hòa giải được giữa chị Q với anh H theo Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 7 Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Quá trình tố tụng và trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị Hoàng Thị Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về việc "Ly hôn" với anh Nguyễn Sỹ H. Con chung không có, tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết. Quá trình tố tụng và trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Sỹ H không có yêu cầu phản tố nào khác; đề nghị Toà án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

*** Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán - Hội đồng xét xử - Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Q. Cho chị Q được ly hôn anh Nguyễn Sỹ H.

+ Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

+ Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, nên không đề nghị xem xét.

+ Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không đề nghị xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự, đại diện viện Kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn có đăng ký nơi thường trú tại xã Y - Thái Nguyên, nên căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025) vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thái Nguyên.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, chị Q và anh H đã tự viết bản tự khai và được Toà án ghi biên bản lấy lời khai. Sau đó, Tòa án Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải tuy nhiên, không hoà giải được là do bị đơn vắng mặt, đồng thời nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải, nên Toà án tiến hành lập biên bản không tiến hành hoà giải được theo Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự và Toà án Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn, bị đơn hợp lệ, thì nguyên có đơn xin xét xử vắng mặt, sau khi có quyết định hoãn phiên toà. Toà án đã tống đạt Quyết định hoãn phiên toà cho bị đơn hợp lệ, thì bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Toà án đã tiến hành tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà theo quy định tại các Điều 175, 177 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên

đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Xác định là vụ án tranh chấp về ly hôn, nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về quan hệ hôn nhân: Nhận thấy giữa chị Q và anh H có thời gian tìm hiểu tình cảm rồi quyết định đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Nay là xã Y, tỉnh Thái Nguyên), vào ngày 11/5/2020. Do vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh H là hợp pháp. Sau khi kết hôn đến năm 2021 vợ chồng chung sống tại thôn Nà L (Nay là thôn 1), xã Y, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nhiều điểm bất hoà, không cùng quan điểm sống, thi thoảng xảy ra bạo lực gia đình, gây tổn thương tinh thần, do anh H chửi, đánh đuổi, doạ giết, chị Q khuyên bảo nhiều lần anh H không nghe, vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 4 năm 2025 đến nay, những mâu thuẫn không được giải quyết. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không muốn chung sống với anh H nữa, đề nghị Toà án nhân dân khu vực 7 – Thái Nguyên giải quyết là nhất quyết cho chị Q được ly hôn anh H theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Sỹ H xác nhận về thời điểm tìm hiểu tình cảm, ăn hỏi, tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn là đúng như chị Q trình bày. Về nội dung phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng mà chị Q trình bày là không chính xác, nên anh H không nhất trí ly hôn chị Q, anh H kính mong Toà án nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên tổ chức hoà giải cho vợ chồng về đoàn tụ. Vì anh H thấy vẫn còn tình cảm với chị Q, vẫn sống tốt với chị Q và sống tốt với mọi người bên gia đình chị Q, chị Q tự đi làm công ty, mọi việc trong gia đình anh H vẫn lo được hết. Anh H cho rằng từ khi kết hôn năm 2020 và quá trình chung sống tại Tổ 5 thị trấn Bằng Lũng hạnh phục bình thường, đến năm 2021 vì thương hoàn cảnh gia đình chị Q, nên anh H vào thôn Nà L (Nay là thôn 1) xã Y sinh sống và được bố mẹ chị Q cho đất. Anh H bỏ tiền ra san và xây một căn nhà cấp 4 rộng 100m2, nhà cửa đồ đạc và cuộc sống hằng ngày anh H lo hết, chị Q ở nhà không có công ăn việc làm, nên bản thân anh H phải lo hết. Nhiều lúc vì cuộc sống công việc một mình anh H lo nên nhiều lúc bực tức có chửi chị Q mấy câu, chị Q bảo anh H doạ giết và đuổi ra khỏi nhà là không đúng. Chị Q đi công ty làm gần hai năm nay, anh H không bắt chị Q phải đi làm vì cuộc sống gia đình anh H lo được anh H cho rằng, vợ chồng không phải sống ly thân do chị Q đi làm công ty từ tháng 3/2025. Còn bản thân anh H trước có nghiện ma tuý nhưng từ khi lấy chị Q anh H đã bỏ được cho đến nay không dùng ma tuý nữa. Chị Q nói nhiều câu không đúng sự thật, vợ chồng chung sống mấy năm không có con chung nhưng

anh H thấy vẫn còn tình cảm với chị Q, anh H kính mong Toà án xem xét hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ, anh H không nhất trí ly hôn chị Q.

Ngày 05/5/2026 Toà án xác minh với Trưởng thôn Nà L (nay là thôn1), xã Y – Thái Nguyên về tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh H thấy chị Q và anh H có hộ khẩu thường trú tại thôn Nà L (nay là Thôn 1), xã Y, tỉnh Thái Nguyên, chị Q và anh H có đăng ký kết hôn hợp pháp, quá trình chung sống, giữa vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn, xích mích, sau đó chị Q có bỏ đi làm công ty, thỉnh thoảng mới về nhà, vợ chồng không có con chung. Mặc dù chị Q và anh H có xích mích, mâu thuẫn nhưng chưa lần nào chị Q, anh H phải nhờ đến thôn lập biên bản giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung của chị Q và anh H thôn không nắm được.

Ngày 19/6/2026 xác minh với bà Nông Thị T (là mẹ đẻ của chị Q). Qua xác minh bà T cho biết, giữa chị Q và anh H có đăng ký kết hôn hợp pháp, được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục địa phương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống ở thị trấn B, huyện C (cũ), sau đó chuyển về sinh sống tại thôn Nà L (nay là thôn 1) xã Y, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng chị Q, anh H có làm căn nhà cấp 4 cạnh nhà bà T. Thời gian chung sống tại đây, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xích mích, chửi bới sau đó thì Q bỏ đi làm công ty ở đâu, địa chỉ cụ thể bà T không nắm được. Q có gọi điện về cho bà T là Q không dám về giải quyết ly hôn vì sợ anh H chửi bới, doạ giết. Giữa chị Q và anh H không có con chung, tài sản chung, nợ chung bà T không nắm được. Ngoài ra bà T xác nhận văn bản của Toà án, bản thân bà T nhận được giấy triệu tập, thông báo của Toà án do Bưu điện chuyển đến. Sau khi nhận được bà T đều gọi điện thông báo cho chị Q biết về nội dung văn bản và Q đều nắm được, tuy nhiên Q bảo không về được vì sợ anh H chửi bới, doạ giết.

Về con chung. Không có con chung, nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung. Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

Trong quá trình tố tụng đối với nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án đã tống đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải hợp lệ; đến ngày 03/7/2026 chị Q có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Chị Q và anh H đã được Toà án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, thì chị Q có đơn xin xét xử vắng mặt; anh H đã được Toà án tống đạt Quyết định hoãn phiên toà hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy nguyên đơn, bị đơn đã có bản tự khai, có biên bản lấy lời khai, trong đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và không có yêu cầu nào khác nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với các Điều 175, 177, 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự

Xét thấy chị Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Q nhất quyết xin được ly hôn anh H theo quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

Căn cứ vào khoản Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định như sau:

“ Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hoà giải tại Toà án không thành thì Toà án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”

Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị Q xin được ly hôn anh H là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nêu trên.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025); Các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Q xin được ly hôn anh Nguyễn Sỹ H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Q được ly hôn Nguyễn Sỹ H.

- Về con chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30/12/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Hoàng Thị Q phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001498 ngày 13/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND Khu vực -7 Thái Nguyên;
- Phòng THADS Khu vực 7 – Thái Nguyên;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Duy Cạn